

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đô

2. Ông Nguyễn Công Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1993. Cư trú: Thôn HD, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Văn Hữu N, sinh năm 1992. Cư trú: Thôn HD, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Đỗ Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Văn Hữu N ngày 28/9/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N chơi bời (rượu chè, cờ bạc) không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì địa phương (Trưởng thôn) có hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ

chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Văn Hữu N.

Về con chung: Vợ chồng một con chung là Văn Thị HD, sinh ngày 09/08/2017. Con chung ở với chị từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh N không quan tâm, không cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nghề tự do (spa), thu nhập ổn định 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Văn Hữu N đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

* Qua làm việc với bà Ngô Thị M, cư trú: thôn HD, xã TT, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Bà Mạnh cho biết: Gia đình bà có tổ chức hôn lễ cho anh Văn Hữu N và chị Đỗ Thị L theo phong tục truyền thống. Sau khi tổ chức hôn lễ thì vợ chồng anh N chị L đi Hà Nội làm ăn mà không ở cùng gia đình. Vợ chồng ở cùng gia đình nên mâu thuẫn như thế nào thì gia đình không nắm rõ, mâu thuẫn từ khi nào thì gia đình cũng không biết. Nay chị L xin ly hôn anh N thì bà chưa thấy chị L nói gì với bà. Bà mong con cái đoàn tụ với nhau nhưng việc vợ chồng có ở được với nhau hay không thì do hai vợ chồng anh N và chị L tự quyết định, bố mẹ không can thiệp được. Vợ chồng anh N chị L có một con chung hiện nay em đang ở với chị L, bà đã nhiều lần đề nghị chị L cho cháu xuống thăm nhưng chị L không cho về. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì việc con cái ở với ai do vợ chồng quyết định, việc vợ chồng tranh nhau về nuôi dưỡng con thì không hay. Tài sản chung vợ chồng không có gì.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Văn Hữu N.

2, Về con chung: Giao con chung là Văn Thị HD, sinh ngày 09/08/2017 cho chị Đỗ Thị L nuôi dưỡng.

3, Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4, Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Văn Hữu N. Anh Văn Hữu N có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị L đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Văn Hữu N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đối với chị L và anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Văn Hữu N kết hôn ngày 28/9/2017. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị L thì xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Chị L yêu cầu ly hôn, anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L. Chị L và anh N không còn chung sống với nhau. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Văn Hữu N (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Văn Thị HD, sinh ngày 09/8/2017. Hiện con chung đang ở cùng chị L. Vợ chồng ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh N không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của chị L. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao cho chị Đỗ Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Văn Hữu N.

2, Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Văn Thị HD, sinh ngày 09/8/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Văn Hữu N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

3, Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002729 ngày 19/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Chuyên

Đã ký